

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2025
v/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Út;
- Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Tạ Đình T, sinh năm 1999; cư trú tại: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2002; cư trú tại: tổ A, ấp T, xã M huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tạ Đình T trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị Yến N chung sống năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào ngày 09-9-2020, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7-2024 chị N tự ý bỏ nhà đi theo người khác và nhắn tin thông báo cho anh sẽ không về nhà nữa, yêu cầu anh chăm lo cho các con. Do đó, anh yêu cầu được ly hôn với chị N vì vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc cùng nhau.

Về con chung: anh và chị N có hai con chung tên Tạ Triệu V, sinh ngày 14-7-2019 và Tạ Phúc T1, sinh ngày 20-3-2023, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Yến N: đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhiều lần để cung cấp lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* *Nguyên đơn anh T:* có đơn xin vắng mặt.

* *Bị đơn chị N:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn anh T) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Đình T đối với chị Nguyễn Thị Yến N. Anh T được ly hôn với chị N.

+ Về con chung: giao anh Tạ Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Tạ Triệu V, sinh ngày 14-7-2019 và Tạ Phúc T1, sinh ngày 20-3-2023. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận anh T không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị N chung sống với nhau năm 2019, đến ngày 08-9-2020 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận kết hôn số 78/2020 (bút lục số 03). Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn

nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa anh T và chị N là hợp pháp.

Anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị N có tình cảm với người khác, không quan tâm chăm lo cho các con cùng gia đình và bỏ nhà đi từ tháng 7-2024 cho đến nay. Lời trình bày của anh T phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh T, chị N chung sống. Nhận thấy, anh T và chị N không chung sống với nhau từ tháng 7-2024 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập chị N đến Tòa án để hòa giải với anh T nhưng chị N vắng mặt, không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh T. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N.

[2.2] Về nuôi con chung: anh T và chị N có hai con chung tên Tạ Triệu V, sinh ngày 14-7-2019 và Tạ Phúc T1, sinh ngày 20-3-2023, đang sống chung với anh T. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của anh T thấy rằng, các cháu V và T1 đang sinh sống ổn định với anh T, từ khi chị N bỏ đi cho đến nay không thực hiện nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc các con; anh T có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu V và T1, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao các cháu V và T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” của anh Tạ Đình T đối với chị Nguyễn Thị Yến N.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Tạ Đình T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Yến N.

- Về nuôi con chung: giao anh Tạ Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Tạ Triệu V, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2019 và Tạ Phúc T1, sinh ngày 20 tháng 3 năm 2023. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Yến N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Tạ Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Tạ Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005284 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: anh T, chị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã (phường), thị trấn nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.THA.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND xã T (Giấy CNKH số 78/2020, ngày 08-9-2020);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

